

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 119/2018/HS-ST
Ngày 22-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Diệu

Ông Phạm Văn Sóng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H tham gia phiên toà: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 117/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1985 tại H. Nơi cư trú: Thôn C, xã K, huyện T, thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Thuận và bà Phạm Thị Nết; có vợ Nguyễn Thị Mai, sinh năm 1989 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2007; tiền án: Bản án số 74/2016/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, ngày 04 tháng 01 năm 2018 chấp hành xong hình phạt tù; nhân thân: Bản án số 80/2011/HSST ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố H xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã xóa án tích); tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 31 tháng 7 năm 2018 đến ngày 06 tháng 8 năm 2018 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C:* Ông Phạm Duy Khoa - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bản thân nghiện ma túy nên khoảng 09 giờ ngày 31 tháng 7 năm 2018 Nguyễn Văn C đi xe ôm của một người không quen biết sang khu vực đường tàu nội thành H mua 660.000 đồng được hai gói ma túy (heroin) của một người phụ nữ không quen biết với mục đích để sử dụng cho bản thân. Sau khi mua được ma túy Nguyễn Văn C cất giấu vào túi quần bên trái phía trước đang mặc rồi đi xe buýt về đến thôn 5, xã Tân Dương, huyện T, thành phố H, Nguyễn Văn C xuống xe tìm chỗ để sử dụng ma túy thì bị tổ công tác Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy số 1 - Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển kết hợp với Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện T làm nhiệm vụ tại khu vực tỉnh lộ 359 thuộc thôn 5, xã Tân Dương, huyện T, thành phố H phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn C có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy. Thu giữ trong túi quần phía trước bên trái của Nguyễn Văn C đang mặc có 02 túi nilon gồm: 01 túi nilon màu hồng bên trong có 01 gói giấy bạc màu trắng chứa chất bột màu trắng và 01 túi nilon màu vàng bên trong có 01 gói giấy bạc màu vàng chứa chất bột màu trắng (nghĩ là chất ma túy).

Tại bản kết luận giám định số 433/KLGD(Đ6) ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H kết luận: Chất bột màu trắng trong 02 gói giấy bên ngoài mỗi gói bọc bằng túi nilon thu giữ của Nguyễn Văn C là ma túy, có khối lượng 0,4780 gam, là loại heroine.

Bản cáo trạng số 131/CT-VKSTN ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố. Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng nhưng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H trình bày lời luận tội đối với bị cáo Nguyễn Văn C, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị kết tội bị cáo Nguyễn Văn C theo toàn bộ nội dung cáo trạng. Kiểm

sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 42 đến 48 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 31 tháng 7 năm 2018. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn C. Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số ma túy còn lại sau giám định. Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn C.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C trình bày lời bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C: Đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T về tội danh, điều luật, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn C. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện, hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ là nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Nguyễn Văn C được hưởng mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa. Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tổ tụng, quyết định tổ tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về trình tự thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định số

433/KLGD(Đ6) ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Ngày 31 tháng 7 năm 2018 bị cáo Nguyễn Văn C đã thực hiện hành vi mua 02 gói ma túy có khối lượng 0,4780 gam, là loại heroine cất giấu trong túi quần phía trước bên trái bị cáo Nguyễn Văn C đang mặc với mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị phát hiện bắt quả tang tại khu vực thôn 5, xã Tân Dương, huyện T, thành phố H nên bị cáo Nguyễn Văn C đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H đã truy tố và đề nghị kết tội bị cáo Nguyễn Văn C về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng điều luật.

[3] Xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn C là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách của Nhà nước về quản lý chất ma túy, loại tội phạm này đang có chiều hướng gia tăng, gây mất trật tự trị an xã hội và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn C đã bị kết án tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C đề nghị áp dụng thêm tình tiết gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự thì gia đình bị cáo thuộc cận hộ nghèo không được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của người bào chữa.

Về nhân thân: Năm 2011 bị cáo Nguyễn Văn C bị kết án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy đã được xóa án tích không coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Mặt khác bị cáo vừa mới chấp xong hình phạt tù về tội Trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để cải tạo tu dưỡng để trở thành người có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Như vậy thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, ý thức coi thường pháp luật.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt cao trên khởi điểm của khung hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định theo đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tại phiên tòa mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét bị cáo Nguyễn Văn C không có nghề nghiệp, bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xác định 01 phong bì niêm phong chứa chất ma túy còn lại sau giám định số 433/2018/PC54 là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn C thuộc hộ cận nghèo nên được miễn nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Trong vụ án này còn có người phụ nữ bán ma túy cho Nguyễn Văn C nhưng trong quá trình điều tra không xác định được căn cước nên không có cơ sở điều tra.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 42 (Bốn mươi hai) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 31 tháng 7 năm 2018.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong chứa chất ma túy còn lại sau giám định là 433/2018/PC54 (Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố H).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn C được miễn nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP H;
- Viện kiểm sát nhân dân TP H;
- Trại tạm giam Công an TP H;
- PV 27 Công an thành phố H;
- Sở Tư pháp thành phố H;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Cơ quan điều tra Công an huyện T;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo, người bào chữa;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hiền

